

Số: 122/QĐ-TTYTHN

Hồng Ngự, ngày 19 tháng 4 năm 2019

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Ban hành Chỉ số đánh giá cải cách hành chính đối với các Khoa, Phòng, đơn vị trực thuộc Trung tâm Y tế huyện Hồng Ngự**

#### **GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN HỒNG NGỰ**

Căn cứ Quyết định số 190/QĐ-UBND-HC ngày 23/02/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Chỉ số đánh giá cải cách hành chính đối với các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Đồng Tháp;

Căn cứ Quyết định số 241/QĐ-SYT ngày 04/4/2019 của Sở Y tế Đồng Tháp ban hành Chỉ số đánh giá Cải cách hành chính đối với các đơn vị trực thuộc ngành Y tế;

Căn cứ Công văn số 1037/SYT-VP ngày 10/5/2018 của Sở Y tế Đồng Tháp về việc hướng dẫn xây dựng Kế hoạch Cải cách hành chính năm và báo cáo Cải cách hành chính theo định kỳ;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính Trung tâm Y tế huyện Hồng Ngự,

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch Cải cách hành chính Trung tâm Y tế huyện Hồng Ngự năm 2019.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 71a/QĐ – TTYTHN, ngày 11/4/2018 của Trung tâm Y tế huyện Hồng Ngự.

Giao Phòng Tổ chức – Hành chính theo dõi, kiểm tra, đánh giá kết quả việc thực hiện Cải cách hành chính của các Khoa/phòng, đơn vị trực thuộc Trung tâm Y tế huyện Hồng Ngự.

**Điều 3.** Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính, các khoa, phòng có liên quan và toàn thể công chức, viên chức và người lao động thuộc Trung tâm Y tế huyện Hồng Ngự có trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Lưu: VT.

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Thanh Tâm**



**CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NGÀNH Y TẾ ĐỒNG THÁP**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 241/QĐ-SYT ngày 04 tháng 4 năm 2019 của Sở Y tế tỉnh Đồng Tháp)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế			Chỉ số	Ghi chú
			Tự đánh giá	Cơ quan thẩm định	Điểm đạt được		
<b>1</b>	<b>CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CCHC</b>	<b>25</b>					
<b>1.1</b>	<b>Kế hoạch CCHC</b>	<b>5</b>					
1.1.1	Ban hành kế hoạch CCHC	2					
	<i>Đạt yêu cầu theo hướng dẫn: 2</i>						
	<i>Không đạt yêu cầu theo hướng dẫn: 0</i>						
1.1.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch CCHC	3					
	<i>Hoàn thành từ 80% - 100% kế hoạch thì điểm đánh giá được tính theo công thức <math>\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% hoàn thành} \times 3.00}{100\%} \right]</math></i>						
	<i>Hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0</i>						
<b>1.2</b>	<b>Thực hiện chế độ báo cáo CCHC</b>	<b>2</b>					
	<i>Báo cáo định kỳ quý, 6 tháng, năm về CCHC: 1</i>						
	<i>Báo cáo chuyên đề, số liệu về CCHC: 1</i>						Nếu không yêu cầu báo cáo được hưởng trọn số điểm
<b>1.3</b>	<b>Công tác kiểm tra CCHC</b>	<b>4</b>					
1.3.1	Thực hiện kiểm tra trong nội bộ cơ quan, đơn vị	2					

	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 2</i>					
	<i>Dưới 100% kế hoạch: 0</i>					
1.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	2				
	<i>Từ 80% - 100% số vấn đề phát hiện được xử lý\kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá được tính theo công thức</i> $\left[ \frac{(\text{Tỷ lệ \% số vấn đề đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý}) \times 2.00}{100\%} \right]$					
	<i>Dưới 80% số vấn đề đã xử lý/kiến nghị xử lý: 0</i>					
<b>1.4</b>	<b><i>Công tác tuyên truyền CCHC</i></b>	<b>4</b>				
1.4.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch tuyên truyền CCHC	2				
	<i>Hoàn thành 100% kế hoạch: 2</i>					
	<i>Hoàn thành dưới 100% kế hoạch: 0</i>					
1.4.2	Phối hợp thực hiện tuyên truyền CCHC	2				
	<i>Phối hợp với các cơ quan có liên quan khi có yêu cầu thực hiện các nội dung tuyên truyền hoặc tham gia các hình thức tuyên truyền CCHC do tỉnh thực hiện</i>					
<b>1.5</b>	<b><i>Sáng kiến\giải pháp mới trong cải cách hành chính</i></b>	<b>3</b>				
	<i>Có từ 2 sáng kiến\giải pháp mới trở lên: 3</i>					
	<i>Có 1 sáng kiến\giải pháp mới: 1</i>					
	<i>Không có sáng kiến\giải pháp mới: 0</i>					
<b>1.6</b>	<b><i>Thực hiện các nhiệm vụ được Sở Y tế giao</i></b>	<b>2</b>				
	<i>Hoàn thành đúng tiến độ 100% số nhiệm vụ được giao trong năm: 2</i>					
	<i>Hoàn thành 100% số nhiệm vụ được giao nhưng có nhiệm vụ hoàn thành muộn so với quy định: 1</i>					
	<i>Hoàn thành dưới 100% số nhiệm vụ được giao: 0</i>					
<b>1.7</b>	<b><i>Sự năng động, quyết tâm của lãnh đạo trong CCHC</i></b>	<b>5</b>				
1.7.1	Công tác triển khai, đôn đốc thực hiện các nội dung, nhiệm vụ CCHC của Tỉnh tại đơn vị	3				

1.7.2	Tính kịp thời, chất lượng của các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC tại đơn vị	2					
<b>2</b>	<b>HOÀN THIỆN VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN HỆ THỐNG VĂN BẢN PHÁP QUY</b>	<b>9</b>					
<b>2.1</b>	<b>Theo dõi thi hành pháp luật (TDTHPL)</b>	<b>6</b>					
2.1.1	Thực hiện các hoạt động về TDTHPL	4					
	<i>Thu thập thông tin về tình hình THPL: 1</i>						
	<i>Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật: 1</i>						
	<i>Điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật: 2</i>						
2.1.2	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	2					
	<i>Ban hành đầy đủ văn bản xử lý/kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền:2</i>						
	<i>Không ban hành đầy đủ văn bản xử lý/kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền:0</i>						
<b>2.2</b>	<b>Xử lý VBQPPL sau rà soát</b>	<b>1.50</b>					
	<i>Từ 70% - 100% số văn bản đã được xử lý/kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá được tính theo công thức</i> $\left[ \frac{(\text{Tỷ lệ \% VB đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý}) \times 1.50}{100\%} \right]$						
	<i>Dưới 70% số văn bản đã xử lý/kiến nghị xử lý: 0</i>						
<b>2.3</b>	<b>Xử lý văn bản trái pháp luật phát hiện qua kiểm tra</b>	<b>1.50</b>					
	<i>Từ 70% - 100% số văn bản đã xử lý/kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá được tính theo công thức</i> $\left[ \frac{(\text{Tỷ lệ \% số VB đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý}) \times 1.50}{100\%} \right]$						
	<i>Dưới 70% số văn bản đã xử lý/kiến nghị xử lý: 0</i>						
<b>3</b>	<b>CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b>	<b>21</b>					
<b>3.1</b>	<b>Cập nhật, công bố, công khai thủ tục hành chính hoặc bảng giá viện phí (các thủ tục liên quan đến người bệnh) hoặc thủ tục đăng ký khám bệnh chữa bệnh (gọi tắt TTHC)</b>	<b>3</b>					
3.1.1	Cập nhật, tham mưu Sở Y tế trình UBND tỉnh công bố TTHC	1					

	thuộc thẩm quyền quản						
	<i>Đầy đủ, kịp thời: 1</i>						
	<i>Không đầy đủ, kịp thời: 0</i>						
3.1.2	Công khai TTHC	2					
	<i>Công khai TTHC hoặc bảng giá viện phí (các thủ tục liên quan đến người bệnh) đầy đủ, đúng quy định</i>						
3.2	<b><i>Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết</i></b>	3					
3.2.1	Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết đúng quy định	1					
	<i>Thực hiện đúng quy định: 1</i>						
	<i>Không thực hiện đúng quy định: 0</i>						
3.2.2	Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị	2					
	<i>100% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 2</i>						
	<i>Từ 90% - dưới 100% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>						
	<i>Dưới 90% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0.5</i>						
3.3	<b><i>Sự hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ và giải quyết TTHC của cơ quan</i></b>	15					
3.3.1	<i>Từ 91 -100%: 15</i>						
3.3.2	<i>Từ 81 -90%: 10</i>						
3.3.3	<i>Từ 70 – 80%: 8</i>						
3.3.4	<b><i>Dưới 70%: 5</i></b>						
4	<b>CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH</b>	11					
4.1	<b><i>Thực hiện quy định và hướng dẫn của cấp trên về tổ chức bộ máy</i></b>	4					

4.1.1	Sắp xếp tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc và trực thuộc	1					
	<i>Đúng quy định, phù hợp thực tiễn: 1</i>						
	<i>Không đúng quy định: 0</i>						
4.1.2	Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại đơn vị	3					
	<i>Thực hiện đúng quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo đơn vị: 1,5</i>						
	<i>Thực hiện đúng quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo cấp phòng, khoa, đơn vị trực thuộc: 1,5</i>						
4.2	<b>Thực hiện quy định về sử dụng số người làm việc (biên chế) được cấp có thẩm quyền giao</b>	4					
	<i>Sử dụng không vượt quá số lượng biên chế hành chính được giao: 4</i>						
	<i>Sử dụng vượt quá số lượng biên chế hành chính được giao: 0</i>						
4.3	<b>Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do UBND tỉnh ban hành</b>	3					
	<i>Thực hiện đầy đủ các quy định: 3</i>						
	<i>Không thực hiện đầy đủ các quy định: 0</i>						
5	<b>XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC</b>	15					
5.1	<b>Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm</b>	2					
	<i>Có thực hiện đúng quy định VTVL: 2</i>						
	<i>Không thực hiện đúng quy định VTVL: 0</i>						
5.2	<b>Tuyển dụng công chức, viên chức</b>	1					
	<i>Đúng quy định: 1</i>						
	<i>Không đúng quy định: 0</i>						
5.3	<b>Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo tại các</b>	3					

	<b>phòng, khoa và tương đương</b>					
	100% số lãnh đạo cấp phòng, khoa và tương đương được bổ nhiệm đúng quy định: 3					
	Không thực hiện đúng quy định: 0					
<b>5.4</b>	<b>Đánh giá, phân loại công chức, viên chức</b>	<b>1.5</b>				
5.4.1	Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo quy định	0.5				
	Đúng quy định: 0.5					
	Không đúng quy định: 0					
5.4.2	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức	1				
	Trong năm không có cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại cơ quan bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên: 1					
	Có cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật từ khiển trách trở lên: 0					
<b>5.5</b>	<b>Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức</b>	<b>1</b>				
	Hoàn thành từ 80% - 100% kế hoạch thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% hoàn thành} \times 1.00}{100\%} \right]$					
	Hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0					
<b>5.6</b>	<b>Tác động của cải cách đến quản lý CBCCVC</b>	<b>2</b>				
5.6.1	Tình trạng tiêu cực trong tuyển dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức	1				
5.6.2	Tính công khai, minh bạch trong công tác tuyển dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức	1				
<b>5.7</b>	<b>Tác động của cải cách đến chất lượng đội ngũ công chức, viên chức</b>	<b>4.5</b>				
5.7.1	Năng lực chuyên môn của công chức trong phối hợp, xử lý công việc	1.5				
5.7.2						



	Tinh thần trách nhiệm của công chức trong phối hợp, xử lý công việc	1.5					
5.7.3	Tình trạng công chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân trong phối hợp, xử lý công việc	1.5					
<b>6</b>	<b>CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG</b>	<b>4.00</b>					
<b>6.1</b>	<b>Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí</b>	<b>1.00</b>					
	<i>Đúng quy định: 1</i>						
	<i>Không đúng quy định: 0</i>						
<b>6.2</b>	<b>Thực hiện tiết kiệm kinh phí hành chính, tăng thu nhập trong cơ quan</b>	<b>1.00</b>					
	<i>Có thực hiện tăng thu nhập: 1</i>						
	<i>Không tăng thu nhập: 0</i>						
<b>6.3</b>	<b>Tác động của cải cách đến quản lý tài chính công</b>	<b>2</b>					
6.3.1	Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí của cơ quan, đơn vị	1					
6.3.2	Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí	1					
<b>7</b>	<b>HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH</b>	<b>15</b>					
<b>7.1</b>	<b>Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) của tỉnh</b>	<b>10</b>					
7.1.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch ứng dụng CNTT	2					
	<i>Hoàn thành từ 80% - 100% kế hoạch thì điểm đánh giá được tính theo công thức <math>\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% hoàn thành} \times 2}{100\%} \right]</math></i>						
	<i>Hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0</i>						
7.1.2	Tỷ lệ trao đổi văn bản điện tử (có ký số) giữa các cơ quan hành chính nhà nước trên phần mềm quản lý văn bản và điều hành	2					
	<i>Từ 90% số văn bản trở lên: 2</i>						
	<i>Từ 80% đến dưới 90%: 1.5</i>						

	<i>Dưới 80%: 1</i>						
7.1.3	Mức độ sử dụng thư điện tử công vụ trong trao đổi công việc của cán bộ, công chức cơ quan, đơn vị	2					
	<i>Từ 95% trở lên: 2</i>						
	<i>Từ 80% đến dưới 95%: 1</i>						
	<i>Dưới 80% số văn bản: 0.5</i>						
7.1.4	<i>Trang thông tin điện tử cung cấp đầy đủ nội dung theo Nghị định số 43/2011/NĐ-CP của Chính phủ</i>	1					
7.1.5	<i>Tỷ lệ máy tính cài đặt phần mềm nguồn mở</i>	1					
	<i>Tỷ lệ máy trạm cài đặt phần mềm nguồn mở OpenOffice từ 90% trở lên: 1.00</i>						
	<i>Tỷ lệ máy chủ cài đặt hệ thống điều hành nguồn mở đạt từ 50% trở lên: 0.50</i>						
	<i>Dưới 50%: 0</i>						
7.1.6	<i>Tỷ lệ máy tính cài phần mềm diệt và phòng chống virus bản quyền</i>	2					
	<i>100% máy tính: 2</i>						
	<i>Từ 90% - dưới 100%: 1</i>						
	<i>Dưới 90%: 0.5</i>						
<b>7.2</b>	<b><i>Sử dụng dịch vụ công trực tuyến</i></b>	<b>5</b>					
7.2.1	<i>Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3</i>	3					
	<i>Từ 40% số hồ sơ TTHC trở lên: 3.00</i>						
	<i>Từ 20% - dưới 40% số hồ sơ TTHC được tính theo công thức</i> $\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% số hồ sơ} \times 3.00}{40\%} \right]$						
	<i>Dưới 20% số hồ sơ TTHC: 0</i>						
7.2.2	<i>Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 4</i>	2					

	<i>Từ 10% số hồ sơ TTHC trở lên: 2.00</i>					
	<i>Từ 5% - dưới 10% số hồ sơ TTHC được tính theo công thức</i> $\left[ \frac{\text{Tỷ lệ \% số hồ sơ} \times 1.00}{10\%} \right]$					
	<i>Dưới 10% số hồ sơ TTHC: 0</i>					
	<b>TỔNG ĐIỂM</b>	<b>100</b>				